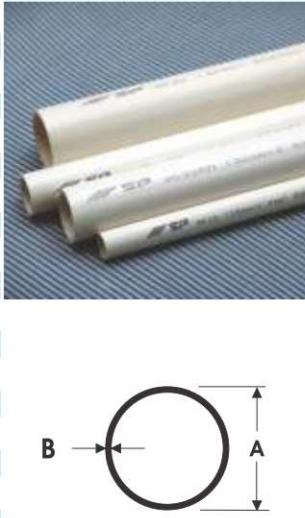


Mã sản phẩm và thông số kỹ thuật (Catalogue number and Specification)

Ống luồn tròn SP (độ dài 2.92m, 4m, 5m / màu trắng) (BS 6099-2-2; BS EN50086-2-1; BS EN61386-21)
 Rigid PVC conduit SP brand (2.92m, 4m, 5m / white) (BS 6099-2-2; BS EN50086-2-1; BS EN61386-21)

Mã số Cat.No	Lực nén Compression force (N)	Kích thước - Size (mm)		Kiểu dáng Drawing
		Đường kính ngoài Outside diameter (A)	Bề dày ống Wall thickness (B)	
SP9016L	320N	16	1.20	
SP9020L	320N	20	1.40	
SP9025L	320N	25	1.50	
SP9032L	320N	32	1.86	
SP9040L	320N	40	2.10	
SP9050L	320N	50	2.40	
SP9016	750N	16	1.40	
SP9020	750N	20	1.60	
SP9025	750N	25	1.80	
SP9032	750N	32	2.10	
SP9040	750N	40	2.30	
SP9050	750N	50	2.60	
SP9063	750N	63	3.00	
SP9016H	1250N	16	1.70	
SP9020H	1250N	20	2.00	
SP9025H	1250N	25	2.00	
SP9032H	1250N	32	2.50	
SP9040H	1250N	40	2.80	
SP9050H	1250N	50	3.10	

Ống luồn tròn SP (độ dài 2.92m, 4m, 5m / màu trắng) (BS EN61386-21; BS EN50086-2-1; BS 6099-2-2)
 Rigid PVC conduit SP brand (2.92m, 4m, 5m / white) (BS EN61386-21; BS EN50086-2-1; BS 6099-2-2)

Mã số Cat.No	Lực nén Compression force (N)	Kích thước - Size (mm)		Kiểu dáng Drawing
		Đường kính ngoài Outside diameter (A)	Bề dày ống Wall thickness (B)	
SP9016LS	320N	16	1.10	
SP9020LS	320N	20	1.30	
SP9025LS	320N	25	1.30	
SP9032LS	320N	32	1.60	
SP9016MS	750N	16	1.30	
SP9020MS	750N	20	1.50	
SP9025MS	750N	25	1.70	
SP9032MS	750N	32	1.90	



Ống màu



Ống có vạch màu

Để đặt ống màu thêm ký hiệu màu vào cuối của mã sản phẩm. Màu đỏ (DO), màu cam (CA), màu vàng (VA), màu xanh lá (XL), màu xanh dương (XD). Ví dụ: **SP9032/CA**

Để đặt ống trắng có vạch màu thêm ký hiệu V vào trước mã màu. Ví dụ: **SP9032/VCA**

Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn/ Standard: BS 6099-2-2:1982; BS EN 50086-2-1:1996; BS EN 61386-21:2004; IEC 6136-21